TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS - ST
Ngày 25 tháng 01 năm 2018
"V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hải –Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về "***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST - DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà ***Hoàng Thị S***, sinh năm 1967

Địa chỉ: 02/49 đường TK, tổ 07, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt

2.*Bị đơn*: Ông ***Nguyễn Thành T***

Địa chỉ: Tổ 07, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2017, bản tự khai ngày 24/10/2017, 12/12/2017 các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn bà Hoàng Thị S trình bày:

Ngày 12/02/2015 ông Nguyễn Thành T và bà Trần Quý C vay của bà số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng và bà bảo lãnh vay nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh Gia Lai (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho ông T và bà C là 180.000.000 đồng. Đối với khoản vay tại Ngân hàng, ông T và bà C có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 737189 do Ủy bản nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/01/2015 (Sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) đồng thời ông T và bà C cũng tự nguyện gửi Giấy chứng nhận nói trên hiện đang thế chấp tại Ngân hàng để làm tin. Đến hạn trả nợ Ngân hàng ông Nguyễn Thành T và bà Trần Quý C thỏa thuận với bà như sau: bà trả nợ vào Ngân hàng để rút Giấy chứng nhận ra thì vợ chồng ông T, bà C sẽ thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ tài sản trên cho bà. Vì vậy ngày 07/01/2016, bà nộp vào Ngân hàng số tiền 181.680.000 đồng để tất toán toàn bộ nợ thay cho vợ chồng ông T và bà C nhưng ông T và bà C không chịu nhận lại Giấy chứng nhận để thực hiện việc chuyển nhượng tài sản. Ngày 11/01/2016 bà có văn bản thỏa thuận với Ngân hàng trong đó thể hiện trong một năm mà ông Nguyễn Thành T không thực hiện việc trả tiền cho bà thì Ngân hàng sẽ thực hiện việc giao lại Giấy chứng nhận cho bà. Hiện nay Giấy chứng nhận này Ngân hàng vẫn đang tạm giữ.

Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc ông Nguyễn Thành T và bà Trần Quý C phải thanh toán cho bà số tiền nợ là 181.680.000 (Một trăm tám mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng và tiền lãi tạm tính đến khi khởi kiện là 28.614.600 đồng, tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ kiện. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ thanh toán, bà không yêu cầu bà Trần Quý C có nghĩa vụ cùng ông Nguyễn Thành T thanh toán nợ cho bà.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T

Ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ông T trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S nhưng ông T không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pcó ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn bà Hoàng Thị S chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S, buộc ông Nguyễn Thành T trả cho bà Hoàng Thị S số tiền nợ gốc 181.680.000

đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Thành T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở thỏa thuận giữa bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Thành T, bà S cho rằng ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ 181.680.000 đồng mà bà đã nộp vào Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Gia Lai trả thay cho ông T, bà S đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông không thực hiện buộc bà S khởi kiện.

Đơn khởi kiện ngày 22/10/2017 cùng các chứng cứ kèm theo thể hiện tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nên tranh chấp đã phát sinh từ việc ông Nguyễn Thành T vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận sau khi bà Hoàng Thị S thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chứ không phát sinh từ hợp đồng vay tài sản nên đây là quan hệ tranh chấp thay đổi thành "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*", bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ptheo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thành T tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành T.

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2017 bà yêu cầu ông Nguyễn Thành T và bà Trần Quý C có nghĩa vụ thanh toán toán khoản nợ 181.680.000 đồng mà bà đã nộp vào Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh Gia Lai trả thay cho ông T cùng tiền lãi. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thành T thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị S yêu cầu ông Nguyễn Thành T thanh toán cho bà nợ gốc 181.680.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 28.614.600 đồng, tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo biên bản xác minh ngày 20/12/2017 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 09/HĐ.TDHM - SCB.CNGL.15 ngày 09/02/2015 cùng với Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/HĐ.CC – SCB.CNGL.15 ngày 12/02/2015 xác định ông Nguyễn Thành T vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh Gia Lai số tiền 180.000.000 đồng, được bảo lãnh bằng sổ tiết kiệm của bà Hoàng Thị S, việc bảo lãnh này bao gồm cả khoản nợ gốc 180.000.000 đồng và lãi, các chi phí khác phát sinh và chấm dứt khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh Gia Lai cũng xác định bà S đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh thông qua ngày 07/01/2016 đã nộp vào tài khoản Ngân hàng số tiền 181.680.000 đồng trong đó có 180.000.000 đồng tiền gốc và 1.680.000 đồng tiền lãi theo phiếu thu ngày 07/01/2016.

Như vậy, tuy không có thỏa thuận bằng văn bản giữa bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Thành T về việc ông Nguyễn Thành T nợ khoản tiền tương ứng là 181.680.000 đồng nhưng việc bà S đã thanh toán thay cho ông Nguyễn Thành T số tiền vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh Gia Lai là 181.680.000 đồng trong đó có 180.000.000 đồng là khoản vay và 1.680.000 đồng tiền lãi là có thực. Như vậy ông Nguyễn Thành T phát sinh nghĩa vụ trả tiền đối với bà Hoàng Thị S từ thời điểm bà S thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh và số tiền ông T phải có nghĩa vụ thanh toán là 181.680.000 đồng.

Đối với Giấy mượn tiền ngày 12/02/2015 bà Hoàng Thị S cung cấp để chứng minh bà Trần Quý C biết về việc bảo lãnh đối với khoản vay của ông Nguyễn Thành T tại Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh Gia Lai. Do bà rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Quý C đồng thời không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với Giấy mượn tiền này. Bên cạnh đó khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh Gia Lai mà bà Hoàng Thị S bảo lãnh bằng sổ tiết kiệm là khoản vay riêng của ông Nguyễn Thành T nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ của bà Trần Quý C trong vụ án này.

Sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh bà S nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán nợ nhưng ông không thực hiện nên ông Nguyễn Thành T phải chịu lãi từ thời điểm bà S nộp tiền vào Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh Gia Lai theo quy định của pháp luật. Theo Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 lãi suất cơ bản là 9%/ năm. Từ ngày 07/01/2016 đến ngày 25/01/2018 là 2 năm 18 ngày

181.680.000 đồng x 2 năm 18 ngày x 9%/ năm = 33.519.960 (Ba mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi) đồng

Như vậy có cơ sở xác định, ông Nguyễn Thành T nợ bà Hoàng Thị S 181.680.000 đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc ông T trả cho bà S 215.199.960 (Hai trăm mười lăm triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi) đồng trong đó 181.680.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 33.519.960 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Hoàng Thị S được chấp nhận nên ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí

215.199.960 x 5% = 10.759.998 (Mười triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 280, 285, 286, 290, 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 97, Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành T thanh toán tiền nợ 181.680.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thành T trả cho bà Hoàng Thị S 215.199.960 (Hai trăm mười lăm triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi) đồng trong đó 181.680.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 33.519.960 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Nguyễn Thành T phải chịu 10.759.998 (Mười triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.257.365 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0003725 ngày 24/10/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Hoàng Thị S có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**